

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B2OLV**

Năm học: **22-23**

Mã MH/MĐ: **MH04226**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Tiếng anh**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1					Hệ số 2					Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801011228	Phạm Văn Tòng	02/05/1988				8	9.0	7.0	9.0	9.5			9.0		8.8
2	2253801011229	Ngô Thị Cẩm Tú	01/01/1984				8.5	7.5	8.5	9.5	9.5			9.0		8.9
3	2253801011231	Đinh Tấn Thanh	23/03/1998				6.5	9.0	8.5	7.0	9.5			9.6		9.1
4	2253801011232	Nguyễn Ngọc Thành	19/02/1980				8.5	6.0	9.0	6.5	7.0			8.2		7.8
5	2253801011233	Châu Thị Mộng Thúy	17/05/1992				9	8.0	8.5	9.5	9.5			7.0		7.8
6	2253801011234	Phan Thị Thừa	10/07/1982				8	7.0	6.0	6.0	7.0			8.0		7.5
7	2253801011551	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	04/05/1979				9	6.0	7.0	8.5	8.0			9.6		8.8
8	2253801013393	Nguyễn Thị Mỹ Chi	05/07/1996				7	7.5	9.5	8.5	6.5			8.8		8.4
9	2253801013394	Nguyễn Văn Chiến	19/05/1993				6	6.0	6.0	6.0	6.5			6.0		6.0
10	2253801013395	Đoàn Thị Bé Chính	02/09/1983				7	6.5	6.0	6.0	6.0			8.6		7.6
11	2253801013397	Trịnh Thanh Hóa	31/01/1992				6	7.0	6.0	6.0	6.5			8.8		7.8
12	2253801013398	Lê Thị Huống	26/07/1984				7	6.0	6.0	7.0	8.0			5.0		5.7
13	2253801013399	Nguyễn Thị Diệu Hương	17/10/1990				7	6.5	8.0	8.0	6.0			0.0	9.2	8.4
14	2253801013400	Lê Hoàng Linh	19/12/1992				6	6.0	8.0	8.0	6.0			8.0		7.6
15	2253801013401	Lê Chí Thanh	29/07/1996				6.5	8.0	7.0	8.0	7.0			8.0		7.8
16	2253801013402	Nguyễn Nhật Thanh	20/08/1991				7	9.0	8.5	8.0	7.0			7.6		7.8

Châu Đốc, ngày 1 tháng 7 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thị Mỹ Thanh